TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 172/2022/HNGĐ-ST Ngày 10 – 8 – 2022 *V/v: Tranh chấp về ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Diệu Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Quang Tâm

2. Ông La Thanh Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Thanh T. *(có mặt)*

Địa chỉ: số nhà 77/3 đường Nguyễn Thị Minh Khai khu vực 1, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị A. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: số nhà 77/3 đường Nguyễn Thị Minh Khai khu vực 1, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2022, quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Ngô Thanh T trình bày*:* Ông và bà Phan Thị A chung sống với nhau từ năm 1986, hai gia đình đồng ý cho tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2000 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung từ đó bà Phan Thị A đi buôn bán rồi có người đàn ông khác. Nay bà An trở về sống tại khu vực 1, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang để con chăm sóc. Ông Tân nhận thấy đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị A.

Về con chung: có 03 con chung tên Ngô Thị V(giới tính: nữ), sinh năm 1988; Ngô Thị M(giới tính: nữ), sinh năm 1990 và Ngô Thị Ngọc Ý (giới tính: nữ), sinh năm 1991. Hiện các con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông Tân không có yêu cầu gì trong vụ án.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị A có gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tân: Bà và Ngô Thanh T chung sống từ năm 1986, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng chung sống hay mâu thuẫn không có hạnh phúc. Nay, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Tân.

Về con chung: đã trưởng thành không có yêu cầu gì trong vụ án.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Ngô Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Bị đơn bà Phan Thị A có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: nguyên đơn ông Ngô Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn đối với bị đơn bà Phan Thị A, có nơi cư trú tại khu vực 1, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục: Bị đơn bà Phan Thị A có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị A theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp: xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Ngô Thanh T cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1986, ông Ngô Thanh T và bà Phan Thị A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau nên tình cảm vợ chồng không còn đã đến ly thân cho đến nay. Nay, ông Ngô Thanh T khởi kiện được ly hôn với bà Phan Thị A, quá trình giải quyết vụ án bà bà A có gửi văn bản nêu ý kiến thống nhất yêu cầu ly hôn của ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A được xác lập vào năm 1986 trước ngày 03/01/1987. Theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp nên Hội đồng xét xử

chấp nhận cho ông T và bà A được ly hôn.

[3.2] Về con chung: có 03 con chung tên Ngô Thị V(giới tính: nữ), sinh năm 1988; Ngô Thị M (giới tính: nữ), sinh năm 1990; Ngô Thị Ngọc Ý (giới tính: nữ), sinh năm 1991. Đã trưởng thành nên các đương sự không có yêu cầu gì trong cùng vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Ngô Thanh T.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Ngô Thanh T nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Ngô Thanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: ông Ngô Thanh T được ly hôn với bà Phan Thị A.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Ngô Thanh T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) của ông Ngô Thanh T nộp ngày 08/6/2022, theo biên lai thu số 0001462 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5/ Nguyên đơn ông Ngô Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án là ngày 10/8/2022. Riêng bị đơn bà Phan Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND phường IV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Diệu Linh